

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MÙ CANG CHẢI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09- 01- 2023.

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* ông Tòng Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Nguyễn Ngọc Tuấn  
2. bà Sùng Thị Mỹ

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lý A Đà- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên tòa:**  
ông Đoàn Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phàng Thị S, sinh năm 1971

Trú tại: bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Giàng A S, sinh năm 1976

Trú tại: bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

*Người phiên dịch:* ông Thảo A Dờ, sinh năm 1979- Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022 và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn Phàng Thị S trình bày: chị và anh Giàng A S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh S nghiện ma túy và ngoại tình. Khi mâu thuẫn xảy ra chị S và anh S đã được hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị Phàng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Giàng A S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 anh Giàng A S trình bày: Anh chung sống như vợ chồng với chị Phàng Thị S năm 2003 trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh và chị S không có con chung và không có tiếng nói chung, bản thân anh S là người nghiện ma túy, khi Khi mâu thuẫn xảy ra chị S và anh S đã được hai bên gia đình nội, ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh S xác định mâu thuẫn gia đình trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh Sào đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị S.

Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2022 ông Sùng A Khu- Phó Chủ tịch UBND xã Lao Chải và ông Lờ A Seng- Công chức Tư pháp xã cho biết chị Phàng Thị S và anh Giàng A S chung sống với nhau từ năm 2003, không đăng ký kết hôn; chị S có một đời chồng trước đó đã mất nên anh Giàng A S mới về chung sống như vợ chồng với chị S, anh chị không có con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do anh S nghiện ma túy, lười lao động và ngoại tình nên chị S đề nghị được ly hôn với anh S.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phàng Thị S và anh Giàng A S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng; bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Phàng Thị S và anh Giàng A S là vợ chồng; chị S, anh S không có con chung; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phàng Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Giàng A S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàng Thị S và anh Giàng A S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 không đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S nghiện ma túy và ngoại tình, không quan tâm đến gia đình. Chị Phàng Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị S làm đơn yêu cầu ly hôn anh S. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phàng Thị S và Giàng A S có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận chị Phàng Thị S và anh Giàng A S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Phàng Thị S và anh Giàng A S không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phàng Thị S và anh Giàng A S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về ý kiến giải quyết của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phàng Thị S và anh Giàng A S là vợ chồng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Lao Chải;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền lợi của đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Tòng Văn Quân**